

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Ân;

Bà Đinh Thị Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Sấm Át - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Thúy H, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Trần Thạch D, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Mai Thị Thúy H trình bày: Chị và anh Trần Thạch D chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 17/02/2011 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian chung sống với anh D không có con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tính tình không hợp nhau. Chị nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh

phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị và anh D không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Thạch D.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Thạch D là bị đơn vắng mặt không rõ lý do và không có lời khai.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 28; 35; 36; 39; 147; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị Thúy H, cho chị Mai Thị Thúy H được ly hôn với anh Trần Thạch D. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Mai Thị Thúy H nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị Thúy H và anh Trần Thạch D tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Thạch D là bị đơn trong vụ án vắng mặt nhiều lần mặc dù đã được Tòa án tổng đạt và triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Thạch D là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Mai Thị Thúy H và anh Trần Thạch D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, không quan tâm lẫn nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị Hằng và anh Duyên cũng không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay, từ khi hai người không còn chung sống với nhau thì cả hai không quan tâm nhau và cũng không còn liên lạc với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ở địa phương thể hiện cuộc sống hôn

nhân của chị H và anh D không hạnh phúc. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Hằng và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Mai Thị Thúy H khai không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị Mai Thị Thúy H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Mai Thị Thúy H khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Mai Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 36; 39; 147; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị Thúy H và anh Trần Thạch D.

Về con chung: Chị Mai Thị Thúy H khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản: Chị Mai Thị Thúy H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Mai Thị Thúy H tự khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Mai Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016535 ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chị Mai Thị Thúy H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Mai Thị Thúy H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thạch D vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- UBND xã L,
huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Chí Công

HỘI THĂM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

Thạch Ân

Đinh Thị Tình

Trần Văn Chí Công